

Số: /TCKH

Kon Rẫy, ngày tháng năm

Về việc triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026

Kính gửi:

- Các phòng, ban, đơn vị dự toán thuộc huyện;
- Chi cục Thuế khu vực số 01;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Văn bản số 2027/UBND-KTXH ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh v/v triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Văn bản số 2641/STC-QLNS ngày 20/7/2023 của Sở Tài chính về việc triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2024-2026;

Công tác triển khai đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2023 và 03 năm 2021-2023, xây dựng dự toán ngân sách năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2024-2026 đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 và đã được Sở Tài chính đăng tải trên trang thông tin thành phần của Sở Tài chính tại địa chỉ (<http://stc.kontum.gov.vn>). Đề nghị các đơn vị dự toán thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (*gọi chung là các đơn vị, địa phương*) khẩn trương truy cập nghiên cứu thực hiện và triển khai đơn vị dự toán trực thuộc (*nếu có*) thực hiện. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện lưu ý một số nhiệm vụ cần tập trung thực hiện như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2023 VÀ 03 NĂM 2021-2023:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2023 và 03 năm 2021-2023:

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2023:

- Trên cơ sở dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân huyện giao, văn bản quy định về điều hành nhiệm vụ ngân sách của Ủy ban nhân dân huyện¹, kết quả thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2023, dự kiến khả năng

¹ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND huyện về Ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX, HĐND huyện về kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

thực hiện 6 tháng cuối năm, Ngành thuế phối hợp chính quyền các cấp tiến hành rà soát, đánh giá kỹ các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN trên địa bàn năm 2023; phân tích nguyên nhân các nguồn thu có tiến độ đạt thấp; địa bàn có nguồn thu biến động mạnh (tăng, giảm) từ đó kiến nghị giải pháp điều hành nhằm phấn đấu thực hiện cao nhất dự toán thu NSNN trên địa bàn đã được Hội đồng nhân dân giao, làm cơ sở xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2024 khả thi, đảm bảo tăng trưởng phù hợp và không bỏ sót nguồn thu theo quy định.

- Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2023. Xác định số nợ thuế đến ngày 31/12/2022, số nợ phát sinh và thu hồi được 6 tháng đầu năm 2023; Tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số nợ thuế theo quy định (nợ theo từng loại doanh nghiệp, từng sắc thuế và ở từng ngành, địa bàn) đến thời điểm 30/6/2023; dự kiến số nợ thuế phấn đấu thu hồi và tỷ lệ nợ thuế so với tổng thu đến ngày 31/12/2023.

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong công tác quản lý thu NSNN; số thuế kiến nghị truy thu thông qua công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra và dự kiến số nộp vào NSNN trong năm;

- Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, trong đó làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2023. Đánh giá các khoản thu giá dịch vụ giáo dục (học phí), kể cả ngân sách cấp bù học phí theo chế độ, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách miễn, giảm thu do thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trường hợp có hụt thu, các địa phương thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 2 Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2022 và khoản 7 Điều 9 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021-2023:

Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá tình hình thực hiện đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021 – 2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, chi tiết từng nguồn thu từ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu nội địa còn lại (ngoài tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế), thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ (nếu có); làm rõ kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân (khách quan, chủ quan); bài học kinh nghiệm; bối cảnh và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách năm 2023 và 03 năm 2021-2023

2.1. Đánh giá tình hình nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 và tình hình thực hiện chi ĐTPT 03 năm 2021-2023: Thực hiện theo hướng dẫn tại điều 6, điều 7 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 và 03 năm 2021-2023

2.2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 theo từng lĩnh vực chi:

a) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2023 theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi được cấp thẩm quyền giao, trong đó, đánh giá chi tiết, cụ thể các nhiệm vụ kinh phí giao không tự chủ (*nhiệm vụ chi sự nghiệp tập trung, kinh phí hoạt động đặc thù, kinh phí thực hiện các Chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách của cấp thẩm quyền ban hành...*). Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn trong 6 tháng, dự kiến cả năm 2023; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện.

b) Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2023, cụ thể:

- Đối với các chế độ, chính sách an sinh xã hội: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ trong năm 2022; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Tiến độ triển khai xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, xây dựng giá các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ², Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ³ và Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND tỉnh⁴ theo chỉ đạo, giao nhiệm vụ của UBND tỉnh tại các văn bản: số 1528/UBND-HTKT ngày 18/6/2019, số 4608/UBND-KTTH ngày 28/12/2021, số 552/UBND-KTTH ngày 01/3/2022; số 452/UBND-KTTH ngày 23/2/2023 các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất.

- Tình hình, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2023 và lũy kế thực hiện đến hết năm 2023. Tình hình triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại

² Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên

³ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

⁴ Ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW), Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, các xã, thị trấn; các đơn vị liên quan tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

(1) Về thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2023:

- Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ; Báo cáo kết quả triển khai thu hồi các khoản chi sai chế độ chính sách bảo trợ xã hội theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2025/UBND-KGVX ngày 30/6/2023.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo bao gồm: Bao gồm: Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ em người dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ;

- Chính sách đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (BHYT) cho người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; trẻ em dưới 6 tuổi; thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, người làm nhiệm vụ quốc tế Lào-Campuchia; cựu chiến binh; đối tượng bảo trợ xã hội; người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; Chính sách hỗ trợ từ NSĐP cho các đối tượng mua BHYT phần cá nhân tự đóng.

- Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; Chính sách miễn thu thủy lợi phí; Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; Chính sách người có uy tín; Chính sách hỗ trợ người tham gia đóng BHXH tự nguyện; Chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; Chính sách đối với trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020...;

- Chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân;

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể, chính xác đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2023 (*có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính; lưu ý đối tượng tăng, giảm do thay đổi địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 06 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc*). Xác định kinh phí tăng, giảm so dự toán giao đầu năm .

(2) Báo cáo cụ thể việc sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng NSDP đến ngày 31/7/2023, số dự kiến sử dụng trong các tháng cuối năm 2023.

(3) Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc phân bổ lập quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định.

(4) Kết quả thực hiện các kế hoạch, đề án, chính sách do địa phương HĐND tỉnh ban hành trong năm 2023 như: *Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND; Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình, giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án trồng cây dược liệu; Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh Kon Tum...; trong đó nêu rõ đề án, chính sách hết hiệu lực đến năm 2023 và còn tiếp tục thực hiện năm 2024, ...; Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các kiến nghị.*

(5) Đánh giá tình hình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG):

- Tình hình phân bổ, giao dự toán năm 2023 (*gồm cả dự toán năm 2022 chuyển sang*) đối với từng CTMTQG. Tiến độ giải ngân, khả năng thực hiện từng CTMTQG năm 2023, chi tiết đối với từng nguồn NSTW, NSDP; nguồn vốn ĐTP, chi thường xuyên; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có), theo từng lĩnh vực chi;

- Tình hình đăng ký và giải ngân nguồn vốn đối ứng (vốn sự nghiệp) thực hiện lồng ghép từ ngân sách địa phương theo các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án khác của cấp có thẩm quyền có tính chất tương đồng với các nội dung, nhiệm vụ chi thuộc các CTMTQG năm 2023 (số liệu báo cáo theo biểu số 06 đính kèm).

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

2.2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên 03 năm 2021-2023 như sau:

a) Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân; tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể theo phê duyệt thực hiện trong giai đoạn, trong nhiều năm; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

b) Đánh giá lũy kế việc triển khai tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 03 năm 2021 - 2023 so với các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết, Kết luận của Trung ương và các văn bản pháp luật có liên quan; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

2.2.3. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương

Các đơn vị đánh giá việc thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2023, Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

1. Yêu cầu xây dựng dự toán:

Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023; các định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025, các đơn vị, địa phương xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2024, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán; chủ động dự kiến dự toán đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định, cho chủ trương triển khai thực hiện.

2. Về dự toán thu NSNN:

- Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2024 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) tăng tối thiểu **5-7%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt

động xuất nhập khẩu năm 2024 tăng bình quân tối thiểu **4-6%** so với đánh giá ước thực hiện năm 2023.

- Các cơ quan Tài chính, Thuế phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước UBND huyện trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách. Chi cục Thuế khu vực số 01 phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn rà soát, dự báo, lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, đặc biệt là các nguồn thu mới dự kiến phát sinh từ năm 2024.

- Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các đơn vị, địa phương, nhưng các cơ quan, đơn vị, địa phương phải lập biểu dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước:

3.1 Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:

Các địa phương, đơn vị thực hiện lập dự toán chi đầu tư theo quy định tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính; hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

3.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

(1) Trên cơ sở Luật NSNN, Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022, Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2024; chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền,...xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2024 chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân. Trong đó các đơn vị lưu ý:

- Lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thực hiện tự chủ (cơ quan hành chính nhà nước) và kinh phí hoạt động không thường xuyên (các đơn vị sự nghiệp), gồm: các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ phục vụ các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, kinh phí hoạt động đặc thù, kinh phí thực hiện các Chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách của cấp thẩm quyền ban hành (kèm thuyết minh cụ thể: nội dung chi, số lượng, định mức (đơn giá, thành tiền)

- Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định. **Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ về cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025)

Lưu ý: đơn vị, địa phương cung cấp đầy đủ các văn bản pháp lý về chủ trương cấp thẩm quyền; các Chương trình, Kế hoạch, Đề án được phê duyệt làm cơ sở bố trí dự toán năm 2024.

(2) Dự toán chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế được giao năm 2024 (trường hợp chưa được giao biên chế năm 2024 thì xác định bằng số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2023), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế giao.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2023, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.800.000 đồng/tháng và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; Giảm quỹ tiền lương đối với các trường hợp phải tiếp tục tinh giản biên chế.

+ Thuyết minh chi tiết cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2024 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

(3) Đối với các Hội cấp huyện: Lập dự toán kinh phí theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và nhiệm vụ được UBND huyện giao tại các quyết định cụ thể.

Đối với các Hội đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh mục nhiệm vụ Nhà nước giao cho tổ chức Hội tại các Quyết định số: 1316/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022⁵: Lập dự toán kinh phí năm 2024 trên cơ sở các nhiệm vụ đã được tại Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện; trường hợp

⁵ Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ Nhà nước giao cho các tổ chức Hội làm cơ sở hỗ trợ kinh phí năm 2023 và những năm tiếp theo giai đoạn 2023-2025

phát sinh các nhiệm vụ mới (đã được Ủy ban nhân dân huyện giao) đơn vị lập dự toán kinh phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

(4) Dự toán chi hoạt động năm 2024 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính⁶. Trong đó lưu ý:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2023 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

- Thực hiện giảm chi 2,5% trên tổng số dự toán chi ngân sách cấp huyện được Ủy ban nhân dân huyện (*đơn vị dự toán cấp I theo phân cấp quản lý*) phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên năm 2022 cho từng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ngành (*trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp*) theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Thuyết minh chi tiết cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi sự nghiệp tập trung, hoạt động chuyên môn của ngành (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2024 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

(6) Xây dựng dự toán chi các CTMTQG: Thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 19 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính, trong đó lưu ý:

Căn cứ quy định hiện hành của Trung ương về 03 CTMTQG và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ CTMTQG quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh, cơ quan chủ quản Chương trình (*Phòng Dân tộc, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội*) chủ trì, phối hợp các đơn vị, địa phương xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024 và dự kiến lộ trình thực hiện trong cả giai đoạn 2024-2026 của từng CTMTQG theo từng đơn vị, chi tiết nhiệm vụ chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, nguồn NSTW, vốn đối ứng NSDP từ nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác, các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có) (*theo biểu mẫu số 06 /STC*).

* **Lưu ý:** Năm 2024 là năm tiếp theo của thời kỳ ổn định 2022-2025, dự toán NSDP bố trí cho các đơn vị, địa phương được ổn định theo dự toán năm 2023. Do đó, đối với các nội dung chi thuộc nhiệm vụ chi NSDP có tính chất tương đồng với các nội dung, nhiệm vụ chi thuộc CTMTQG, đề nghị các đơn vị, địa phương ưu tiên sử dụng kinh phí nguồn CTMTQG để thực hiện nhiệm vụ

⁶ Về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

này, nhằm giành nguồn NSDP theo phân cấp để cơ cấu thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án của địa phương.

(7) Báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội hiện hành, các chính sách mới phát sinh trong năm 2023 và nhu cầu năm 2024 (theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng cho cả 12 tháng năm 2024) để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP theo quy định của pháp luật. Rà soát các nhiệm vụ, kế hoạch, đề án, chính sách ban hành mới thực hiện từ năm 2024 của cấp có thẩm quyền; theo đó các đơn vị tổng hợp, xây dựng dự toán bố trí kinh phí thực hiện cho năm 2024 đảm bảo theo quy định, phù hợp với khả năng nguồn lực NSDP năm 2024 và tình hình thực tế của địa phương.

(8) Về xây dựng dự toán liên quan đến việc điều chỉnh mức lương cơ sở: thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính và Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2024-2026 VÀ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Lập kế hoạch tài chính – NSNN 3 năm 2024-2026:

1.1. Lập kế hoạch thu NSNN

- Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2024-2026 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2023-2025; dự toán thu NSNN năm 2024 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2025, 2026; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

- Giai đoạn 2025-2026, phần đầu tốc độ tăng thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) và tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu không thấp hơn mức tăng các khoản thu này năm 2024 tại điểm 2 mục II Văn bản này. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

Cơ quan thu: Chi cục Thuế số 01 phối hợp UBND các cấp, các cơ quan khác có liên quan ở địa phương lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2024-2026 gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026

1.1. Biểu mẫu xây dựng dự toán năm 2024:

- Thực hiện theo các biểu mẫu kèm theo Văn bản này.

- Ngoài ra các đơn vị, địa phương lập bổ sung thêm các biểu 01, 02, 03, 04 kèm theo Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính (*thay thế các biểu 01, 2a, 2b, 2c, 2d, 03, 04, 05 kèm theo Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính*) và biểu 06/STC kèm theo Văn bản này.

b. Đối với kế hoạch tài thu NSNN 03 năm 2024-2026: áp dụng các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

(Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có đính kèm các biểu mẫu nêu trên theo Văn bản này)

2. Các đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Tổ chức triển khai đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2023 và xây dựng dự toán ngân sách năm 2024, kế hoạch thu ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026 theo hướng dẫn, **báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu** gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện **chậm nhất đến ngày 03 tháng 8 năm 2022** để tổng hợp.

Trên đây là hướng dẫn đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023 và xây dựng dự toán ngân sách năm 2024, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026. Đề nghị UBND các xã, thị trấn và các đơn vị dự toán triển khai thực hiện đúng yêu cầu về nội dung, biểu mẫu số liệu và thời gian quy định tại hướng dẫn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (b/c);
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Xuân Trung